

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 16-5-2022

V/v tranh chấp về sử dụng đường đi  
và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở,  
gây khó khăn việc sử dụng đường đi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Hải Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Đặng Hải Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp về sử dụng đường đi và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn việc sử dụng đường đi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Triệu Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Hà Văn D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ1. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. NLQ2. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. NLQ3. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. NLQ4. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. NLQ5. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. NLQ6. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. NLQ7. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
8. NLQ8. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
9. NLQ9. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
10. NLQ10. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
11. NLQ11. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
12. Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp của UBND xã V:* Bà Đặng M - Công chức Địa chính - Xây dựng xã, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 01/GUQ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2022). Có mặt.

*- Người làm chứng:*

1. NLC1. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. NLC2. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
3. NLC3. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
4. NLC4. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
5. NLC5. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
6. NLC6. Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
7. NLC7. Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
8. NLC8. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Ban đầu khi khởi kiện nguyên đơn ông Triệu văn B yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08 như hòa giải ở cơ sở. Vì diện tích đất có nguồn gốc là của bố mẹ nguyên đơn khai phá từ khoảng năm 1996 trồng cây mùng và cây xỏm để nhuộm quần áo, diện tích khai phá khoảng hơn 400m<sup>2</sup>. Trước thời điểm bố mẹ nguyên đơn quản lý sử dụng thì khu đất này là của lâm trường huyện L.

Năm 2015 nguyên đơn mở đường vào khai thác cây của gia đình tại khu vực đồi T, thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quá trình làm đường, khai thác cây năm 2015 không có tranh chấp với ai, đến ngày 09/5/2021, nguyên đơn cho máy móc để sửa đường vào tiếp tục khai thác cây của gia đình, thì bị đơn ra ngăn cản dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2021, thì kết quả trích đo bản đồ xác định diện tích hai bên tranh chấp là 252,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08 là đất giao thông, nguyên đơn hoàn toàn nhất trí với kết quả trích đo. Do đó, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp nữa,

mà chỉ yêu cầu được sử dụng thửa đất số 306 theo đúng mục đích quy hoạch là đất giao thông, cụ thể: Nguyên đơn được sử dụng đường đi qua thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08, theo đúng mục đích sử dụng là đất giao thông, hộ ông Hà Văn D không được có hành vi cản trở, gây khó khăn cho nguyên đơn khi sử dụng đường đi qua thửa đất số 306, để vào khai thác rừng của gia đình.

Đối với diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> nằm trong thửa 349, tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính xã V là đất rừng sản xuất, theo sổ mục kê là đất của NLQ11 (anh ruột nguyên đơn). Phần đất này do tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn xác định là của mình nên đề nghị đo thêm vào, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> này.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp tạm ứng 15.700.000 đồng, yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hà Văn D trình bày:*

Đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ bị đơn khai phá từ năm 1985, để trồng ngô, lúa nương, bông, sắn, khi bố mẹ còn sống ở với bị đơn nên toàn bộ diện tích đất bố mẹ khai phá cho bị đơn quản lý sử dụng, thửa đất đó chính là thửa số 306, tờ bản đồ số 08, diện tích bao nhiêu bị đơn không nắm được nhưng trồng được khoảng 5.000 cây bạch đàn. Hiện nay một phần diện tích thửa số 306 đang tranh chấp với ông Triệu văn B, thuộc khu vực đồi Trái Pẻn, thôn Đ, xã V, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Quá trình quản lý sử dụng diện tích đất trên không xảy ra tranh chấp. Năm 2015, NLC3 hỏi xin bị đơn san ủi phần đất hiện nay có tranh chấp để làm đường đi vào khu vực phía trong khai thác rừng, sau khi NLC3 khai thác rừng xong thì gia đình bị đơn tiếp tục trồng cây keo, bạch đàn nhưng bị người khác nhổ hết (không xác định được người nhổ).

Năm 2018 khi có chủ trương của Nhà nước chuẩn bị cấp GCNQSDĐ, xã có thông báo thì bị đơn đã phối hợp với cơ quan chuyên môn để đo đạc lại toàn bộ diện tích đất thuộc quyền quản lý sử dụng của mình trong đó có thửa đất số 306. Đến nay cả khu vực này cũng chưa có ai được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 09/5/2021, nguyên đơn mang máy mức vào mức đường không xin phép dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp.

Bị đơn không nhất trí việc sử dụng bản đồ địa chính đất Nông lâm trường trả lại địa phương năm 2018, vì trước đây năm 1994, UBND xã Đ cũ (nay là xã V) và Lâm trường L đã tiến hành đo đất để người dân liên doanh với Lâm trường để được phát cây giống, trồng cây. Phần diện tích của gia đình bị đơn trồng được 6000 cây bạch đàn, bao gồm cả phần đất tranh chấp hiện nay. Bản đồ trước đây thể hiện thửa đất của bị đơn, không thể hiện thửa 306 là đất giao thông, mà là đất của gia đình bị đơn sử dụng để trồng cây lâm nghiệp.

Đối với diện tích 34,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ số 08, các bên không có ai tranh chấp đề nghị giữ nguyên hiện trạng để mọi người cùng đi lại, bị đơn không yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> này.

Về chi phí tố tụng nguyên đơn là người khởi kiện nên phải chịu toàn bộ, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ11 trình bày:* Đối với diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 349 ký hiệu tạm trên mảnh trích đo là 349.1, là thửa đất của ông Loan đang quản lý, sử dụng, diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> không có tranh chấp, ông Loan đồng ý để làm đường đi chung, để phục vụ việc đi lại, vận chuyển nông lâm sản.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10 trình bày:* Đối với 06 công bê tông các ông bà được góp tiền mua năm 2012, diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> không có tranh chấp, ông Loan đồng ý để làm đường đi chung phục vụ việc đi lại nên các ông bà cũng không có yêu cầu gì đối với 06 công bê tông.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã V trình bày:* Về nguồn gốc đất: Thửa đất tranh chấp thuộc xã Đô Lương cũ. Năm 2018, được đo đạc bản đồ địa chính đối với đất có nguồn gốc từ Nông lâm trường trả về địa phương, thì đất tranh chấp được đánh số thửa 306, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất giao thông, đất chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai. Khi đo đạc bản đồ địa chính, đối với đất có nguồn gốc từ Nông lâm trường trả về địa phương, UBND xã chỉ đạo trưởng các thôn phối hợp với đơn vị đo đạc đến thực địa cùng các hộ gia đình, đo theo hiện trạng sử dụng đất. Thửa đất 306 được xác định mục đích sử dụng là đất giao thông là theo hiện trạng năm 2018. Đất giao thông là đất công do UBND xã quản lý, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ gia đình nào.

NLQ1, NLQ6 thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

NLQ2, NLQ3, thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn. NLQ4, NLQ5 không có văn bản trình bày ý kiến.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán chưa lấy lời khai của NLQ4, NLQ5, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về nguồn gốc thửa đất số 306: Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phía nguyên đơn trình bày thửa đất số 306 do bố mẹ nguyên đơn khai phá, canh tác; ngược lại bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng bên phía bị đơn trình bày thửa đất số 306 do bố mẹ bị đơn khai phá, canh tác; ngoài lời trình bày thì các bên đương sự không cung cấp được chứng cứ tài liệu để chứng minh. Theo thông tin do công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đông Bắc (Lâm trường L II trước đây), UBND huyện L, UBND xã V cung cấp thì thửa đất 306 trước đây do Lâm trường L II quản lý đến năm 2018 thì trả về địa phương; như vậy, có cơ sở xác định thửa đất 306 có nguồn gốc đất do Lâm trường L II được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó trả về địa phương quản lý và được xác định là đất đường giao thông. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn trình bày năm 2003, được bố mẹ giao quản lý thửa đất số 306, năm 2015 nguyên đơn mở đường vào khai thác cây của gia đình tại khu vực đồi Trái Pén, quá trình làm đường, khai thác cây năm 2015 không có tranh chấp với ai, đến ngày 09/5/2021, nguyên đơn cho máy múc để sửa đường vào tiếp tục khai thác cây của gia đình, thì bị đơn ra ngăn

cản dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp. Bị đơn trình bày thửa đất số 306 là đất rừng sản xuất do gia đình bị đơn quản lý, sử dụng liên tục từ năm 1985 đến nay, diện tích cụ thể bao nhiêu bị đơn không rõ chỉ biết trồng được khoảng 5000 cây bạch đàn. Năm 1994 UBND xã Đ và Lâm trường huyện L đã tiến hành đo đất để người dân liên doanh với Lâm trường để được phát cây giống và trồng cây, hợp đồng ông đã giao nộp lại cho Lâm trường sau khi hoàn thành xong nội dung ký kết. Năm 2015 sau khi nguyên đơn mức đất làm đường, bị đơn đã trồng lại cây trên diện tích đất đó nhưng đã bị nhổ trộm và bị đơn không trồng thêm cây gì nữa, tuy nhiên ngoài trình bày bị đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh. Theo bản đồ địa chính và kết quả trích đo thể hiện thửa đất bị đơn đang quản lý, sử dụng là thửa 248, đất rừng sản xuất, có diện tích 16.761,8m<sup>2</sup> có một phía tiếp giáp với thửa 306; theo thông tin do Công ty Đông Bắc cung cấp thì diện tích thửa 306 công ty không trồng được rừng, không giao khoán và không có hồ sơ về việc Lâm trường L II và xã Đ đo diện tích cho gia đình ông Hà Văn D. Do đó lời trình bày của ông D về quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ. Tại công văn số 1607 ngày 03/11/2021 của UBND huyện L cung cấp thông tin thửa đất 306 hiện nay chưa ai kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình bày của đại diện UBND xã V cũng khẳng định thửa đất 306 không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, thửa đất 306 được thể hiện trên bản đồ địa chính là đất giao thông, do đó UBND xã V sẽ quản lý để làm đường đi chung. Như vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Với những phân tích như trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 169 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Triệu văn B được sử dụng đường đi qua thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08, theo đúng mục đích sử dụng là đất giao thông, hộ ông D không được có hành vi cản trở, gây khó khăn cho ông Triệu văn B khi sử dụng đường đi qua thửa đất số 306. UBND xã V có trách nhiệm tiếp tục quản lý thửa đất số 306, để sử dụng làm đường giao thông đi lại chung cho các hộ dân theo quy định của pháp luật. Về án phí, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 15.700.000 đồng nên bị đơn có trách nhiệm phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 NLQ8, NLQ11 . Xét thấy, những người vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08, nên thông báo thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, sang yêu cầu được sử dụng

đất trên theo đúng mục đích quy hoạch là đất giao thông và yêu cầu vợ chồng ông Hà Văn D, NLQ3 không được ngăn cản, gây khó khăn cho gia đình nguyên đơn khi sử dụng đường đi qua thửa đất số 306 để vào khai thác rừng của gia đình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nay xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp về sử dụng đường đi và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn việc sử dụng đường đi”*, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Xét thấy, theo nội dung Công văn của UBND huyện L, UBND xã V và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thì thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08, diện tích 448,2m<sup>2</sup> (Bản đồ đất Lâm trường trả về địa phương đo năm 2018, được Sở Tài Nguyên và Môi trường duyệt năm 2019) thuộc thôn Đ, xã V (xã Đô Lương cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là đất đường giao thông (DGT).

[3.2] Về nguồn gốc thửa đất số 306: Theo Công văn số 71/CT-LNTH ngày 07/3/2022 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đông Bắc (trước đây là Lâm trường L II), thì thửa đất số 306, trước đây thuộc công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định số: 214 QĐ/UB-KT ngày 24/02/1996, của UBND tỉnh Lạng Sơn, về việc cấp GCNQSDĐ cho Lâm trường L II. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đông Bắc, khẳng định: *“Diện tích này Công ty không trồng được rừng; không giao khoán và không có hồ sơ về việc Lâm trường L II và xã Đô Lương đo diện tích cho gia đình ông Hà Văn D”*. Như vậy, việc bị đơn và những người làm chứng do bị đơn yêu cầu trình bày nguồn gốc đất là của bố mẹ bị đơn khai phá, sử dụng từ năm 1985, đến năm 1994, UBND xã Đô Lương cũ (nay là xã V) và Lâm trường L đã tiến hành đo đất để người dân liên doanh với Lâm trường để được phát cây giống và trồng cây là không có căn cứ.

[3.3] Tại Công văn số: 54/UBND ngày 22/4/2022 của UBND xã V và trình bày tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp UBND xã V, xác định nguồn gốc thửa đất số 306 từ Nông lâm trường trả về địa phương, khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2018 xác định theo hiện trạng là đất giao thông. Đất giao thông là đất công, mọi cá nhân, tổ chức được sử dụng đất đúng mục đích và do UBND xã quản lý, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ gia đình nào. Và tại Công văn số 1607/UBND-TNMT ngày 03/11/2021, UBND huyện L cũng khẳng định *“Thửa đất số 306 là đất đường giao thông (DGT) do UBND xã V quản lý nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai”*.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những trình bày, đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp nhưng phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh. Do đó, từ các lập luận ở trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được sử dụng đường đi và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đường đi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, việc sử dụng đường

đi qua thửa đất số 306, của các tổ chức, cá nhân phải đặt dưới sự quản lý của UBND xã V.

[5] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là người nộp tiền tạm ứng chi phí với số tiền 15.700.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp khoảng 200m<sup>2</sup>, (tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ xác định là 252,5m<sup>2</sup>), sau khi có kết quả trích đo nguyên đơn mới thay đổi yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa, do đó yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với diện tích 252,5m<sup>2</sup> tương ứng với 88% chi phí tố tụng, thành tiền là 13.816.000 đồng; đối với diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 349, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn xác định là của mình và đề nghị đo thêm nên bị đơn phải chịu chi phí đối với diện tích 34,1m<sup>2</sup> tương ứng với 12%, thành tiền là 1.884.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đối với diện tích đất 34,1m<sup>2</sup> (trên đất có 06 cống bê tông) thuộc một phần thửa 349, tờ bản đồ số 08, không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 169, 357 của Bộ luật Dân sự. Điều 10; Điều 12; Điều 155; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Ông Triệu Văn B được sử dụng đường đi qua thửa đất số 306, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính xã V, theo đúng mục đích sử dụng là đất giao thông, hộ ông Hà Văn D không được có hành vi cản trở, gây khó khăn cho ông Triệu Văn B khi sử dụng đường đi qua thửa đất số 306. Việc sử dụng đường đi qua thửa đất số 306, phải dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tứ cận thửa đất số 306 như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 284 (Có vị trí đỉnh thửa: B1, B2, B3); Phía Tây giáp thửa đất số 297, 326 (Có vị trí đỉnh thửa: B4, B5, B6); Phía Nam giáp thửa đất số 349 (Có vị trí đỉnh thửa: B3, A6, A7, B4); Phía Bắc giáp thửa đất số 277 (Có vị trí đỉnh thửa: B1, A2, A1, B6).

*(Chi tiết cụ thể có trích đo kèm theo)*

**2. Về chi phí tố tụng:** Nguyên đơn phải chịu số tiền 13.816.000 đồng; bị đơn phải chịu số tiền 1.884.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn ông Triệu văn B đã nộp đủ số tiền 13.816.000 đồng (mười ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

Bị đơn ông Hà Văn D, phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Triệu văn B, số tiền 1.884.000 đồng (một triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3. Về án phí:** Ông Hà Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại ông Triệu văn B, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0004008 ngày 15/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Hải Đoàn**